

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MUỜNG ẮNG  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 49/2020/QĐST -HNGĐ

Mường Ắng, ngày 25 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 58/2020/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa:

**Nguyên đơn:** Chị Lường Thị D, sinh năm 1995.  
Nơi cư trú: Bản C, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên.

**Bị đơn:** Anh Lò Văn Q, sinh năm 1993.  
Nơi cư trú: Bản Đ, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào điều 212, 213 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điều 55, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84, 86, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ vào điều 147 BLTTDS; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17/9/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành. Không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:** Chị Lường Thị D và anh Lò Văn Q.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1 Về hôn nhân:** Thuận tình ly hôn.

**2.2 Về con chung:** Chị D và anh Q có 02 người con chung là:

- Cháu Lò Thị Thu M; Sinh ngày: 10/10/2013;

- Cháu Lò Thị Thanh V; Sinh ngày: 06/7/2015;

Chị D và anh Q thỏa thuận, thống nhất việc giao nuôi con chung: Anh Q sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu Lò Thị Thu M và Lò Thị Thanh V cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, thời gian giao nuôi con chung bắt đầu từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hằng tháng chị D cấp dưỡng nuôi cháu M số tiền là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), cấp dưỡng nuôi cháu V số tiền là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền hằng tháng chị D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Cấp dưỡng định kỳ hằng tháng vào ngày 15 của tháng. Thời gian bắt đầu tính cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi cháu M và cháu V đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị D có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản chị D thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

**2.3 Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung thu về; nợ chung phải trả:** Chị D và anh Q không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.4 Về án phí:** Chị D tự nguyện chịu 75.000<sup>d</sup> (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải chịu 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh Q tự nguyện chịu 75.000<sup>d</sup> (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Tuy nhiên chị D và anh Q là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS Mường Ảng;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký và đóng dấu)**

**Nguyễn Thị Vân**